

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2024/DS – ST**

Ngày 31/7/2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Khuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**

2. Bà **Vũ Thị Thùy Dương**

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2024/TLST- DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST- DS ngày 02/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 35/2024/QĐST- DS ngày 19/7/2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP S (S1).***

*Địa chỉ trụ sở: **2 N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh.***

*Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Đức Thạch D** – Chức vụ: Tổng giám đốc.*

*Đại diện theo ủy quyền: Ông **Chung Gia T** – Chức vụ: Giám đốc*

(văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023)

*Đại diện theo uỷ quyền lại: Ông **Phạm Văn T1** – chức vụ: chuyên viên khách hàng (vắng mặt).*

*Địa chỉ nhận văn bản: 122 **đường H, khu phố H, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.***

*- Bị đơn: Ông **Phạm Minh Đ**, sinh năm 1952 (vắng mặt)*

*Địa chỉ: **ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.***

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn do ông **Phạm Văn T1** trình bày:*

Ngày 10/12/2021 Ngân hàng TMCP S, Chi nhánh L – Phòng G (viết tắt là S1) đã ký kết với ông Phạm Minh Đ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021. Theo đó ông Phạm Minh Đ chấp thuận đồng ý với điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân, biểu phí phát hành thẻ tín dụng số 970403 – 7064 với số tiền hạn mức 100.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng: tiêu dùng.
- Chính sách cấp thẻ: điều kiện chứng minh năng lực tài chính.
- Hình thức cấp thẻ: tín chấp.
- Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 2,77%/tháng.
- Ngày chốt giao dịch: ngày 15 hàng tháng.

Từ ngày 10/12/2021 đến nay ông Đ đã nhiều lần sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S. Đến ngày 25/12/2023 ông Phạm Minh Đ đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng và toàn bộ dư nợ vay còn thiếu bị chuyển sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng TMCP S đã nhiều lần nhắc nhở và đốc thúc việc trả nợ, nhưng ông Phạm Minh Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021. Tính đến ngày 10/01/2024 ông Đ đã sử dụng với dư nợ là 105.709.065 đồng, trong đó nợ gốc là 103.646.797 đồng, lãi suất quá hạn là 2.062.268 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án buộc ông Phạm Minh Đ phải thanh toán nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/01/2024 là 105.709.065 đồng (một trăm linh năm triệu bảy trăm linh chín ngàn không trăm sáu mươi lăm) đồng. Trong đó nợ gốc là 103.646.797 đồng, lãi suất quá hạn là 2.062.268 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/01/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021.

*** Quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Minh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày trong hồ sơ.**

*** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng, vắng mặt không có lý do; thời hạn gửi hồ sơ và quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc buộc ông **Phạm Minh Đ** trả cho **Ngân hàng TMCP S** số tiền nợ gốc và lãi suất theo Ngân hàng yêu cầu.

Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa và sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: **Ngân hàng TMCP S** (sau đây viết tắt là **S1**) khởi kiện ông **Phạm Minh Đ** yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021. Vì vậy, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông **Phạm Minh Đ** có đăng ký hộ khẩu thường trú tại **ấp C, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn ông **Phạm Minh Đ** nhưng tại phiên tòa hôm nay ông **Đ** vẫn vắng mặt không có lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông **T1** đại diện Ngân hàng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 1 Điều 227, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ vay theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021 với tổng số tiền tính đến ngày 10/01/2024 là 105.709.065 đồng. Trong đó nợ gốc là 103.646.797 đồng, lãi suất quá hạn là 2.062.268 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/01/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021. Hợp đồng trên được giao kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên có giá trị pháp lý làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia giao kết hợp đồng. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải*

quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”.

Quá trình giải quyết vụ án ông Đ đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không đưa ra thời gian cụ thể và hợp lý để giải quyết khoản nợ trên với Ngân hàng. Điều này thể hiện ông Đ không có thiện chí, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tiền.

Do đó, toàn bộ lời khai và các tài liệu chứng cứ như Ngân hàng cung cấp được Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021 và bảng sao kê số tiền gốc và lãi suất ông Đ còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 10/01/2024 là 105.709.065 đồng. Nên giao dịch và giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng là có thật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với số nợ gốc và lãi suất là có căn cứ chấp nhận, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Đ phải trả cho Ngân hàng số tiền 105.709.065 đồng, trong đó nợ gốc là 103.646.797 đồng, lãi suất quá hạn là 2.062.268 đồng và lãi suất tính từ ngày 11/01/2024 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy ông Đ là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ phí Tòa án, nhưng ông Đ không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí. Do đó, ông Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí ông Đ phải nộp là: 105.709.065 đồng x 5% = 5.285.453 đồng (làm tròn 5.285.000 đồng). Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ về phần nội dung phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 147, 157, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Căn cứ các Điều 463, 466 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ -UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần S**.

- Buộc ông **Phạm Minh Đ** phải trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** tổng số tiền tính đến ngày 10/01/2024 là 105.709.065 đồng (một trăm linh năm triệu bảy trăm linh chín ngàn không trăm sáu mươi lăm đồng). Trong đó nợ gốc là 103.646.797 đồng, lãi suất quá hạn là 2.062.268 đồng.

- Ông **Phạm Minh Đ** còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi suất phát sinh đối với số tiền nợ còn lại theo quy định trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1886271 ngày 10/12/2021 đã ký kết với **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** kể từ ngày 11/01/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2/ Về án phí:

- Buộc ông **Phạm Minh Đ** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 5.285.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn) đồng.

- Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần S** số tiền 2.643.000đ (hai triệu sáu trăm bốn mươi ba ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0011909 ngày 18/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Đồng Nai.
- VKSND tỉnh Đồng Nai.
- VKSND H. Cẩm Mỹ.
- Thi hành án dân sự H. Cẩm Mỹ.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu án văn.
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Khuyên

